

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

TÔN GIÁO VÀ TÍN NGƯỠNG CỦA NGƯỜI THÁI Ở TÂY BẮC VIỆT NAM - MÃY VẤN ĐỀ ĐẶT RA

ĐỖ LAN HIỀN^(*)

Việt Nam chúng ta là một quốc gia đa tộc người, mỗi tộc người có những phong tục, lối sống, tâm lí, văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Song, các tộc người đó vì sống chung trong một điều kiện tự nhiên, xã hội lâu dài, nên nhìn trên tổng thể, phong tục, lễ nghi, lối sống có nhiều điểm tương đồng tạo thành một khối thống nhất làm nên dân tộc Việt Nam. Do vậy, khi nói đến văn hoá, tôn giáo của dân tộc Việt Nam, chúng ta thường hay chú trọng đến cái chung, cái thống nhất và có phần bỏ quên cái riêng, cái thiếu số, cái khác biệt phong phú của văn hoá, nếp sống, tín ngưỡng, tôn giáo của 54 tộc người cư trú rải rác trên mọi miền Tổ quốc Việt Nam. Trong bài viết này, tôi muốn nêu lên những suy tư về tôn giáo của tộc người Thái ở Tây Bắc Việt Nam hiện nay, trong tình hình diễn biến chung về tôn giáo có nhiều phức tạp tại một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số của chúng ta như Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

Thứ nhất, tộc người Thái ở Tây Bắc Việt Nam là một tộc người chiếm số đông ở vùng Tây Bắc, tiếp giáp với hai quốc gia là Trung Quốc và Lào, thế nhưng vì lí do gì mà người Thái không tiếp nhận và tương thích được với các tín ngưỡng và tôn giáo của các dân tộc láng giềng gần gũi với mình, đặc biệt là Phật giáo như người Thái ở Thái Lan? Tây Bắc cũng

không phải là mảnh đất dễ dàng dung chứa và nuôi dưỡng các tôn giáo mới lạ sau này?

Chúng ta có thể đưa ra đây những câu trả lời ngay rằng, đó là vì hoàn cảnh tự nhiên, đây là khu vực thung lũng lòng chảo, lại bị vây quanh bởi núi non trùng điệp không thuận lợi cho sự giao lưu giữa các luồng văn hoá, giữa các cộng đồng người khác nhau. Lâu dần, hình thành thứ văn hoá, lối sống khép kín.

Tôi chưa hoàn toàn thoả mãn với lời giải đáp đó. Đúng là điều kiện địa lí vùng Tây Bắc không thuận lợi cho sự giao thoa, giao lưu với các luồng văn hoá, với các cộng đồng người khác, nhưng không chỉ riêng gì người Thái, nhiều tộc người khác của chúng ta không thuộc vị trí địa lí hiểm trở khó giao lưu như người Thái cũng không dễ dàng tiếp nhận và dung hợp với Phật giáo, Công giáo và đạo Tin Lành sau này?

Phải chăng, ngoài lí do khách quan về điều kiện địa lí nêu trên, người Thái do quá ý thức về dân tộc tính, về bản sắc riêng của mình⁽¹⁾, đóng khung cái bản sắc

*. TS., Trung tâm nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Người Thái là một trong số ít những tộc người có ngôn ngữ và chữ viết riêng, điều đấy cũng cho thấy khả năng phát triển tư duy của họ, sự tự ý thức về dân tộc tính, văn hoá của mình.

và biến nó thành cái bất biến. Duy trì, bảo vệ nó như bảo vệ chính tộc người mình, nếu từ bỏ nó là từ bỏ chính dân tộc mình, chính tổ tiên mình.

Người Thái ngày nay, về cơ cấu xã hội đã bỏ xa chế độ thị tộc, nhưng về tôn giáo thì họ vẫn bảo lưu những hình thức tôn giáo sơ khai của loài người trong thời kì đó. Người Thái quan niệm tồn tại hai thế giới, thế giới của *Người* và thế giới của *Phi/Ma*. Phi quyết định mọi sự sống còn của họ, nên cúng Phi là để cầu cho họ được khoẻ mạnh, gặp lành tránh dữ, cho mùa màng tốt tươi... Phi chính là quan niệm về linh hồn, là một quan niệm tôn giáo sơ khai của loài người từ thời kì thị tộc và vẫn được bảo lưu, tồn tại trong cộng đồng người Thái cho đến tận ngày nay dưới những quan niệm và nghi lễ phong phú qua sự thay đổi của lịch sử. Tín ngưỡng về linh hồn là loại hình tín ngưỡng được bảo lưu một cách rõ nét nhất, nổi trội nhất, đan xen và pha trộn với các hình thức tín ngưỡng vật linh, ma thuật, trở thành hình thức tôn giáo cơ bản của người Thái hiện nay.

Người Thái ngày nay cũng không dễ dàng từ bỏ những thủ tục rườm rà, tốn kém trong các nghi lễ cúng Phi mà họ có thể nhận thấy là quá sức đối với mình, vì cho đó là tập quán lâu đời, từ bỏ nó là từ bỏ chính tổ tiên mình⁽²⁾.

Việc gìn giữ cái bản sắc, duy trì tính thuần khiết về tín ngưỡng- tôn giáo ấy khiến người Thái gìn giữ được bản sắc dân tộc mình, góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc Việt Nam nói chung. Và cho thấy tinh thần, ý thức dân tộc của họ rất sâu đậm. Song, chính vì sự giam hãm, khuôn mình vào cái truyền thống (cho dù truyền thống đó là tốt) sẽ là nguyên nhân chủ quan khiến dân tộc Thái nói riêng và đồng bào dân tộc vùng Tây Bắc nói chung ít có những biến đổi (thậm chí là khó thay đổi) trên mọi mặt đời sống xã hội, trong đó có đời sống tâm linh, tôn giáo.

Đây chính là lí do vì sao họ không dễ dàng tiếp nhận và dung hợp các tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc láng giềng khác.

Thứ hai, vùng Tây Bắc Việt Nam được coi là vùng trọng điểm, là phen đầu án ngữ phía Tây Bắc của Tổ quốc nên Nhà nước ta đã có nhiều giải pháp về kinh tế để nâng cao đời sống vật chất cho đồng bào nơi đây nhưng dường như không thu được kết quả như các khu vực khác. Mặc dù Tây Bắc là một khu vực sinh thái lòng chảo tươi đẹp trù phú, có nhiều sông suối chảy qua thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc. Vùng cư trú của đồng bào Thái còn là nơi tiếp cận với rừng rậm nhiệt đới có lịch sử lâu đời nên quần thể động, thực vật rất phong phú. Trong khuôn khổ của một nền kinh tế tự túc, tự cấp thì thiên nhiên đã thực sự ưu đãi cho người Thái đầy đủ về lương thực (lúa, hoa mầu), thực phẩm (thực vật và động vật). Người Thái còn có truyền thống dệt vải thổ cẩm - là một trong những mặt hàng được ưa chuộng trên thế giới ngày nay, có thể phát triển thành thế mạnh kinh tế. Người Thái còn được coi là một trong những tộc người rất siêng năng, cần mẫn lao động. Đến thăm một gia đình người Thái, nhìn vào những đồ gia dụng trong nhà như váy, áo, quần, đệm, chăn, rèm, túi và một số vật dụng

2. Trong quan niệm của người Thái, thế giới của các Phi cũng được phân chia thành nhiều loại, nhiều thứ bậc, Phi Khuôn là linh hồn của con người, của vật. Phi Then là Trời, cái sáng tạo ra muôn loài. Phi Khuôn cũng có thứ bậc. Trong bản mường, Phi Khuôn của người đứng đầu, người có công khai phá ra bản mường đó là chủ. Trong gia đình, Phi Khuôn của người cha là chủ. Khi người chủ chết đi, Phi Khuôn sẽ ngự trị vĩnh cửu ở trong nhà, biến thành Ma nhà/Phi Hướn, gia đình phải cúng và dành một gian riêng (gọi là Hống) để cho Phi Hướn ở. Phi Hướn có thể trọc ghẹo, quấy nhiễu khiến người trong gia đình ốm đau, bệnh tật. Và để ngăn chặn sự quấy rối của các Phi, người Thái tin rằng có thể dùng phép thuật, phù chú, yểm bùa để trừ khử các Phi (Theo Cẩm Trọng. *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội, năm 1978).

khác, chúng tôi thấy chúng đều được làm bằng vải dệt tay. Họ dệt vải còn rất thô sơ, để dệt và thêu được một chiếc váy áo có khi mất cả năm trời. Người con gái trước khi đi lấy chồng phải dệt xong được toàn bộ các đồ gia dụng cần thiết trong nhà như váy, áo, chăn, đệm, v.v... Tất cả điều đó nói lên tính cần mẫn siêng năng, nhẫn nại của họ. Thêm nữa, vị trí địa lý tuy có hiểm trở nhưng lại là khu vực sinh thái trù phú có thể phát triển kinh tế du lịch, v.v...

Dù có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế như vậy, thế nhưng, Tây Bắc lại là vùng nghèo nhất cả nước, trong số năm tỉnh nghèo đói nhất nước thì có tới hai tỉnh (Lai Châu, Sơn La) của Tây Bắc.

Tìm hiểu nguyên nhân của sự chậm trễ đó, giới nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng: Do thói quen canh tác du cư, du canh, một vụ; Do không có tư tưởng tích trữ của cải lương thực, có dư thừa là đem dùng hết vào lễ hội; Do tâm lý thoả mãn với lối sống được thiên nhiên ưu đãi, lao động chỉ cần một vụ đủ ăn, nếu có thiếu thì đã có thiên nhiên bù đắp, họ chỉ cần bỏ công đi kiếm nên không nghĩ đến phải mở rộng đầu tư sản xuất. Thích nếp sống an nhàn, dành nhiều thời gian trong việc thăm thú anh em, bè bạn và tiếp đãi nhau, hay dành thời gian đi săn bắt - xem đó là một thú vui không nặng về kiếm sống; Do phong tục ma chay, cưới xin, lễ hội rườm rà, tốn kém khiến họ phải lao động nhiều năm sau mới trả nợ hết, v.v...

Nhìn vào những nguyên nhân nêu trên, chúng ta sẽ thấy đó là những nguyên nhân có thể khắc phục được bằng hình thức tuyên truyền, hướng dẫn, giáo dục, thiết chế. Song, vấn đề không đơn giản như vậy?

Tính bảo lưu cái truyền thống vốn đã bị vượt bỏ trong lịch sử, những thói quen, nếp nghĩ, nếp sống qua nhiều thế hệ được coi là chuẩn mực, là khuôn phép mà người Thái ngày nay chỉ việc làm theo, đi theo chính là những rào cản khiến cộng

đồng người Thái khó thích ứng nhanh với thời cuộc, khó làm thay đổi tư duy, lối sống của họ.

Nói rõ hơn, việc phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội vùng Tây Bắc gặp những trở ngại do *sự thiếu vắng về tâm thế*, mà sự thiếu vắng ấy lại do sự ảnh hưởng bởi thể giới quan tôn giáo của người Thái. Nói khác đi, thể giới quan tôn giáo của họ đã ảnh hưởng đến nếp nghĩ, nếp tư duy và hành vi, ứng xử của họ trước mọi vấn đề của cuộc sống trong đó có ứng xử đối với các vấn đề kinh tế.

Cả một đời miệt mài cần mẫn dệt vải, sản phẩm của họ làm ra ngoài giá trị sử dụng cho riêng họ, cho gia đình họ, nó còn là tâm hồn, là tâm huyết gửi gắm trong đó, nó còn là tập quán phép - việc phải biết xe tơ dệt vải là một đòi hỏi, chuẩn mực để đánh giá sự chăm chỉ, phẩm hạnh của người phụ nữ Thái. Nên họ không nghĩ đến, hoặc không dám nghĩ đến giá trị vật chất, giá trị hàng hoá để có thể đem trao đổi hay bán, họ chỉ bán khi thật cần thiết, khi mùa màng thất thu khiến họ bị đói. Chính vì không nghĩ đến giá trị hàng hoá, giá trị vật chất nên họ cũng không đầu tư mở rộng sản xuất, không biến nó thành thế mạnh của thứ hàng hoá có thể sinh lời, làm giàu.

Trước đây, chúng ta thường có quan niệm sai lầm rằng, văn hoá nằm ngoài sự phát triển kinh tế, cơ sở của sự phát triển kinh tế là từ chính các yếu tố kinh tế thuần túy không liên quan đến văn hoá. Bây giờ chúng ta quan niệm lại rằng, văn hoá có thể tác động kìm hãm hay thúc đẩy đối với sự phát triển kinh tế, trong đó tôn giáo là một thành tố quan trọng của văn hoá.

Mới gần đây, tôi có đọc cuốn sách *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa Tư bản* của Max Weber (Maximilian Carl Emil Weber), một nhà xã hội học, triết học người Đức. Trong tác phẩm này, Max Weber đề cao nền đạo

đức khổ hạnh Tin Lành, xem nó có vai trò chủ yếu trong việc hình thành tư duy *duy lý* tư bản chủ nghĩa Tây Phương. Có nghĩa là, nền đạo đức Tin Lành có mối liên hệ *tương hợp chọn lọc* với tinh thần của chủ nghĩa tư bản, tạo nên một động lực cần thiết và thuận lợi cho sự hình thành và phát triển chủ nghĩa tư bản theo kiểu Châu Âu mà không có ở nơi nào khác. Cũng theo Max Weber, các dân tộc Phương Đông, điển hình như Trung Hoa không hình thành và phát triển chủ nghĩa tư bản là do thiếu vắng những điều kiện và tâm thế thuận lợi cho quá trình này, mà sự thiếu vắng ấy do ảnh hưởng của nền văn hoá Khổng giáo - một nền văn hoá quá khuôn phép, quá cứng nhắc và tù đọng. Nói khác đi, những nghi thức, tập tục, thói quen, sự bảo thủ, sự tiết độ, óc tiết kiệm, v.v... khó có thể đại diện hay làm nảy sinh được tinh thần tư bản chủ nghĩa.

Chúng ta có thể không hoàn toàn đồng tình với Max Weber khi ông quá nhấn mạnh đến yếu tố chủ quan, yếu tố tinh thần trong sự hình thành mô hình kinh tế. Nhưng sau khi đọc tác phẩm của Max Weber, nó gợi mở cho tôi sự lý giải những băn khoăn trên của mình. Đó là, cần phải xem xét sự ứng xử của con người trong hoạt động kinh tế trong mối quan hệ tương hợp với nhân sinh quan, thế giới quan của họ. Trong đó, tôn giáo cũng là một nhân sinh quan, một thế giới quan ấy. Tức là, thế giới quan, nhân sinh quan tôn giáo cũng đã chi phối, ảnh hưởng rất nhiều đến ứng xử kinh tế của con người.

Trở lại thực tế nước ta, không cứ gì tộc người Thái ở Tây Bắc, đồng bào Khmer Nam Bộ, nơi ghi dấu ấn nặng nề của văn hoá Phật giáo Nam Tông cũng diễn ra tình trạng tương tự, những giải pháp kinh tế của chính phủ không đi vào được dân chúng: cấp ruộng thì họ bán, không cho bán bằng cách chính quyền giữ hộ sổ đỏ thì họ bán chui. Cho vay tiền thì họ tiêu chứ không đầu tư sản xuất, không ham làm giàu, lao động chỉ mong đủ

sống, đủ ăn, khi đã thoả mãn được điều đó là họ nghỉ ngơi. Không cố gắng dần thân, sống qua ngày đoạn tháng, ít nghĩ tới việc phải làm những gì to tát, lâu bền, dễ chán nản, chùn bước khi gặp phải khó khăn, tâm lý an bài với những gì hiện có.

Phải chăng, Phật giáo đã chi phối đến việc hình thành triết lý sống của họ? Phật giáo nhìn cuộc đời là một bể khổ không bờ bến, con đường để giải thoát khỏi nỗi khổ đó là phải phá bỏ được sự mê muội, vô minh, đạt tới cái bản nhiên/sáng tỏ bản thân mình. Tinh thần *hư không* dẫn đến nhìn cuộc đời là giả tưởng, *Có* đấy nhưng cũng là *Không*... Với thế giới quan, nhân sinh quan đó đã ảnh hưởng đến cách nhìn cuộc đời của họ, coi cuộc đời là phù hoa, thoáng qua, sinh kí tử quy/sống gửi, thác về. Dẫn đến lối sống bàng quan, an bài, không cầu tiến⁽³⁾, không màng công danh, phú quý, rũ hết trần duyên, tranh nhân, chấp ngã, thị phi, v.v... Từ đó, con người ta trở nên bị động, thui chột tinh thần, ý chí vươn lên, thiếu những toan tính duy lý. nếp sống thiên về chấp nhận chứ không cải tạo, thứ đạo đức kìm nén dục vọng, kìm nén ham muốn và chạy trốn những nhu cầu của bản năng.

Tinh thần, tư tưởng ấy của Phật giáo đã để lại dấu ấn trong đời sống của đồng

3. Giáo lý của Phật dạy rằng:

Nghĩ đến thân thể đừng cầu không bệnh tật, vì không bệnh tật thì dục vọng dễ sinh;

Ở đời đừng cầu không khó khăn, vì không khó khăn thì kiêu sa nổi dậy;

Cứu xét tâm linh đừng cầu không khúc mắc vì không khúc mắc thì sở học không thấu đáo;

Sự nghiệp đừng mong không bị chông gai, vì không chông gai thì chí nguyện không kiên cường;

Làm việc đừng mong dễ thành vì dễ thành thì lòng thường kiêu ngạo;

Giao tiếp đừng mong lợi mình vì lợi mình thì mất đạo nghĩa;

Với người đừng mong thuận chiều ý mình vì thuận chiều ý mình thì tất sinh tự kiêu;

Thi ân đừng cầu đền đáp vì cầu đáp trả là thi ân có toan tính;

Thấy lợi đừng nhúng tay vì nhúng tay là hắc ám tâm trí;
oan ức không cần bày tỏ vì bày tỏ là hèn nhát mà trả thù thì oán đối kéo dài

bào và được bảo lưu, tương hợp như máu thịt họ, tạo nên một nếp sống, một thói quen suy nghĩ và giao tiếp và ứng xử như đã phân tích trên đây. Nếp sống ấy không dễ dàng ngày một ngày hai thay đổi được, hoặc khi có thay đổi thì họ sẽ cảm thấy mình lạc lõng trong cộng đồng vốn quá thân thuộc với họ. Do đó, họ lại càng không dễ dàng thích nghi với những hoàn cảnh, điều kiện, cơ hội mới.

Cùng giống như đồng bào Khmer Nam Bộ, người Thái ở Tây Bắc cũng vậy. Cái truyền thống vốn ăn sâu vào trong tiềm thức của họ khiến họ không dễ gì thay đổi một sớm một chiều.

Như vậy, cùng với những giải pháp về kinh tế phải tính đến đời sống tâm linh, tôn giáo của đồng bào. Song, làm thế nào để thay đổi nếp nghĩ, nếp sống, phong tục của họ mà không đánh mất cái bản sắc, cái truyền thống vốn được ghi nhận như một giá trị? Hoặc, nếu bắt người Thái bỏ đi phong tục cúng Phi, bỏ đi phép ma thuật trừ Phi thì lại là vi phạm đến sự tự do tín ngưỡng của đồng bào.

Chẳng hạn, nếu khuyến khích họ sản xuất đại trà, sản xuất bằng máy móc để hàng vải thổ cẩm có thể ra lò nhanh hơn, nhiều hơn, bán được nhiều tiền hơn thì liệu sản phẩm đó còn mang cốt cách, tâm hồn người Thái nữa không, có cạnh tranh được với công nghệ hiện đại, tiên tiến của nước ngoài không? Chính “công nghệ” sản xuất gắn với nhiều sức lực của đôi bàn tay và tâm hồn con người, thực sự đã thu hút và thuyết phục người Phương Tây, khi kĩ nghệ máy móc của họ đã “bỏ xa” vai trò khéo léo của đôi bàn tay.

Và khi lợi nhuận, thương mại hoá những giá trị văn hoá vật thể có làm mất đi một giá trị văn hoá tinh thần phi vật thể.

Chúng ta có thể tìm những giải pháp về tôn giáo, tín ngưỡng đi liền và xuất phát từ những giải pháp căn cơ từ kinh tế. Không chỉ bằng tuyên truyền vận

động, mà phải vực dậy đời sống vật chất cho đồng bào, có ăn uống đủ chất, khoa học, sinh hoạt lành mạnh, bệnh tật sẽ được đẩy lui, tâm hồn phấn chấn họ sẽ dần dần tin rằng không có Phi nào làm cho họ ốm, làm họ chết, không có Phi nào quyết định cuộc đời họ. Từ đó, họ sẽ không còn phải lo sợ, cầu cúng nhiều các Phi.

Ngược lại, muốn cho các giải pháp kinh tế có hiệu quả, chúng ta lại phải tính đến yếu tố văn hoá, tín ngưỡng. Người Thái vốn sùng tín Nhân Chủ, Thần Chủ, ngay bản thân các Phi cũng có thứ bậc (như đã trình bày). Dựa vào tâm lí đó, giải pháp kinh tế phải đi từ người có uy tín đối với bản, mường, vận động, đầu tư, giúp họ làm tốt kinh tế, làm giàu cho họ. Họ sẽ là “Phi sống, Thần sống” thuyết phục, dạy bảo bà con làm theo, đi theo. Khi đời sống vật chất được cải thiện, con người sẽ có óc thực tế hơn, ham muốn hơn, duy vật hơn, hiểu biết hơn, tất sẽ xa rời, loại bỏ dần những hủ tục lạc hậu.

Để khắc phục thứ văn hoá khép kín, bảo thủ, lạc hậu đó, chúng ta phải đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông để nối *bản*, *mường* với thế giới bên ngoài, tạo nên sự giao thoa văn hoá giữa các vùng miền để đồng bào học hỏi lẫn nhau, làm lành mạnh hoá, hiện đại hoá đời sống tinh thần - xã hội vùng Tây Bắc, đồng thời là để phát huy cái thế mạnh của du lịch sinh thái - văn hoá khu vực Tây Bắc xinh đẹp trù phú, góp phần phát triển kinh tế vùng Tây Bắc, đưa Tây Bắc thoát khỏi cảnh đói nghèo, lạc hậu hội nhập cùng cả nước trên con đường hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Những suy tư trên đây mới chỉ là những giải pháp mang tính phương pháp luận, để có những giải pháp cụ thể đòi hỏi cần phải có nhiều ngành, nhiều tổ chức, nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về Thái học cùng phối hợp tham gia giải quyết tất sẽ thu được những kết quả như mong đợi./.